TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/DS-PT
Ngày 10 – 11– 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung Vân;

Các Thẩm phán: Ông Vi Đức Trí;

Ông Phạm Văn Tuệ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2018/TLPT-DS, ngày 05 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lâm Văn T; cư trú tại: Thôn N, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Tô Đức T; cư trú tại: Thôn p, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hoàng Thị Đ; cư trú tại: Thôn N, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Tô Thị S; cư trú tại: Thôn p, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Đ: Ông Hoàng Thanh Đ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, theo văn bản ủy quyền số 709/GUQ-UBND ngày 17-9-2018; có mặt.

- Người kháng cáo:

1. Ông Tô Đức T là bị đơn;

2. Bà Tô Thị S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, ý kiến trình bày của các đương sự và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, giữa gia đình ông Lâm Văn T và gia đình ông Tô Đức T xảy ra tranh chấp đất tại khu đồi P, thôn N, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đất tranh chấp là 25.780,8m^2, thuộc một phần thửa số 302, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B; thửa đất số 302 có tổng diện tích 83.400m^2 hộ gia đình ông Lâm Văn T và vợ là Hoàng Thị Đ đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) ngày 21-12-2005; Giấy mang số vào sổ là: 00540, số sêri AE190843. Tài sản trên đất tranh chấp có 1855 cây thông, cụ thể: 40 cây có đường kính gốc trên 30cm; 65 cây có đường kính gốc từ 20-30cm; 250 cây có đường kính gốc từ 5-10cm; 1500 cây có đường kính gốc dưới 05cm. Giá trị tài sản tranh chấp: Trị giá đất là 128.904.000 đồng; tài sản trên đất là cây thông có tổng trị giá là 47.805.000 đồng, trong đó: 1.500 cây có đường kính gốc dưới 5cm, có trị giá 24.000.000 đồng; 250 cây có đường kính gốc 05-10cm, có trị giá là 6.000.000 đồng; 65 cây có đường kính gốc 20-30cm, có trị giá là 7.605.000 đồng; 40 cây có đường kính gốc trên 30cm, có trị giá là 10.200.000 đồng.

Nguyên đơn ông Lâm Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị Đ trình bày: Năm 2004 gia đình vợ chồng ông Lâm Văn T, bà Hoàng Thị Đ được thôn N chia cho một thửa đất rừng để trồng cây. Đến ngày 21-12-2005 gia đình ông Lâm Văn T được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ năm 2004 gia đình ông Lâm Văn T trồng cây thông trên diện tích đất được cấp được khoảng 3000-4000 cây, trồng dải rác thành nhiều đợt từ năm 2004 đến năm 2007. Tuy nhiên còn một phần diện tích đất gia đình ông chưa trồng do khi đó con nhỏ và kinh tế khó khăn chưa có kinh phí mua cây giống. Đến năm 2016 thì ông Tô Đức T đến lấn chiếm và trồng cây trên diện tích đất này, ông Lâm Văn T đã báo cáo chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải nhưng không thành. Ông Lâm Văn T khởi kiện yêu cầu ông Tô Đức T trả lại cho gia đình ông diện tích đất đã lấn chiếm; số cây thông ông Tô Đức T đã tự ý trồng vào diện tích đất của ông Lâm Văn T, ông Lâm Văn T sẽ thanh toán tiền giống, tiền công trồng, chăm sóc cho ông Tô Đức T. Nếu ông Tô Đức T không đồng ý thì yêu cầu ông Tô Đức T phải di dời cây để trả lại đất cho gia đình ông.

Bị đơn ông Tô Đức T trình bày: Diện tích đất tranh chấp do ông khai phá từ năm 1987, đến năm 1988 ông Thăng bắt đầu trồng hồi nay vẫn còn khoảng 300 cây hồi, năm 2004 bắt đầu trồng thông; gia đình ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng chưa được cấp giấy tờ gì, còn ông Lâm Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi nào ông không được biết. Đến năm 2017 gia đình ông tiếp tục trồng dặm thêm một số thông con trên phần diện tích đất bỏ trống trước đây chưa trồng giáp với khu vực trồng hồi. Ông không nhất trí với yêu cầu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn T; ông yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (phần đất tranh chấp) của Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp cho hộ ông Lâm Văn T; yêu cầu được quản lý, sử dụng 25780,8m² (gồm 23.389,1m² mà ông Lâm Văn T tranh chấp và diện tích 2391,7m² giáp liền kề, cùng nằm trong thửa số 302 và sở hữu toàn bộ cây thông trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị S trình bày: Diện tích đất tranh chấp do ông Tô Đức T khai phá từ năm 1979, đến năm 1987 bà Sáu mới về sống tại thôn H. Khi ông Lâm Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình bà có biết nhưng không khiếu nại vì nghĩ rằng là người trong gia đình. Năm 1988 gia đình bà bắt đầu trồng hồi; còn số cây thông to đường kính gốc trên 20cm trên đất là do ông Tô Đức T trồng từ năm 2004, đến năm 2017 tiếp tục trồng dặm thêm một số cây thông con trên diện tích đất bỏ trống trước đây chưa trồng. Bà Tô Thị S nhất trí với các yêu cầu của ông Tô Đức T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ, do ông Hoàng Thanh Đ làm đại diện trình bày: Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm Văn T, hồ sơ đã được niêm yết công khai để lấy ý kiến người dân, trong thời gian công khai không có ai có ý kiến phản hồi gì. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm Văn T đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và đúng đối tượng theo quy định. Việc ông Tô Đức T yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 2005 cho ông Lâm Văn T là không có cơ sở.

Đối với diện tích đất tranh chấp tại thửa số 302, ngoài việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005 cho ông Lâm Văn T thì năm 2012, thực hiện dự án đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện do Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư. Sau khi gia đình ông Lâm Văn T thực hiện việc kê khai và Ủy ban nhân dân xã B thực hiện các thủ tục niêm yết theo quy định, đến ngày 30-11-2012 Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 374260 cho hộ ông Lâm Văn T tại thửa số 304, tờ bản đồ số 03, diện tích 138527,0m². So với thửa đất số 302 cấp năm 2005 thì diện tích thửa đất số 304 tăng thêm 55.127m². Tuy nhiên, việc cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2012 đối với thửa đất số 304 là không đúng quy định vì diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận năm 2005 nên phải cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, hơn nữa việc đo đạc thêm phần diện tích đất chưa sử

dụng vào thửa đất ông Lâm Văn T là không đúng vì ông Lâm Văn T chưa được Nhà nước giao đất đối với diện tích đất này. Vì vậy, xác định việc cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm Văn T đối với thửa đất số 304 là sai quy định nên Ủy ban nhân dân huyện Đ đã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2012 cho hộ ông Lâm Văn T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập đã căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn T: Buộc ông Tô Đức T và bà Tô Thị S trả lại cho ông Lâm Văn T, bà Hoàng Thị Đ diện tích đất tranh chấp 23.389,1m² thuộc thửa 302, tờ bản đồ lâm nghiệp, tại khu đồi P, thuộc thôn N, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, (có ghi cụ thể các cạnh tiếp giáp).

2. Ông Lâm Văn T được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ số cây thông trên diện tích đất tranh chấp gồm: 65 cây đường kính gốc từ 20-30cm; 40 cây có đường kính gốc trên 30cm; 1.500 cây đường kính gốc dưới 5cm và 250 cây đường kính gốc từ 5-10cm.

Ông Lâm Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Tô Đức T tiền cây giống và công trồng, chăm sóc đối với số cây thông ông Tô Đức T đã trồng với tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên bị yêu cầu chậm trả thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Tô Đức T về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 190843, thửa số 302, tờ bản đồ số LN mà Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp cho hộ ông Lâm Văn T, bà Hoàng Thị Đ ngày 21-12-2005.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Tô Đức T và bà Tô Thị S về việc yêu cầu ông Lâm Văn T trả lại diện tích đất 25.780,8m² và tài sản trên đất (cây thông). Ông Lâm Văn T, bà Hoàng Thị Đ được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất này và tài sản trên đất (cây thông) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp ngày 21-12-2005.

5. Ông Tô Đức T có trách nhiệm hoàn trả cho ông Lâm Văn T tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.675.000 đồng.

6. Về án phí: Ông Tô Đức T không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lâm Văn T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, ông Tô Đức T và bà Tô Thị S có đơn kháng cáo, không đồng ý với Bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp cho hộ ông Lâm Văn T; trả lại cây và đất cho gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo ông Tô Đức T và bà Tô Thị S giữ nguyên nội dung kháng cáo: Yêu cầu được quản lý, sử dụng đất tranh chấp, sở hữu tài sản trên đất và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lâm Văn T đối với diện tích đất tranh chấp.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung kháng cáo: Nguồn gốc đất tranh chấp của ông Lâm Văn T; ông Lâm Văn T, bà Hoàng Thị Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm xử đất tranh chấp cho ông Lâm Văn T, bà Hoàng Thị Đ là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Tô Đức T và bà Tô Thị S, giữ nguyên Bản án sơ thẩm, tuy nhiên đề nghị sửa về câu chữ phần quyết định tại mục 1 và mục 4 cho thống nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về diện tích đất tranh chấp: Nguyên đơn ông Lâm Văn T khởi kiện yêu cầu ông Tô Đức T trả lại diện tích đất tranh chấp 23.389,1m² mà ông Tô Đức T đã lấn chiếm trồng cây thông năm 2017. Còn ông Tô Đức T, ngoài diện tích đất nguyên đơn đưa ra còn cho rằng gia đình mình còn bị gia đình ông Lâm Văn T lấn chiếm là 2.391,7m^2 nên ông yêu cầu được quản lý sử dụng toàn bộ diện tích là 25.780,8m^2. Do vậy xác định diện tích đất giữa hai bên tranh chấp là 25.780,8m^2 (gồm diện tích là 23.389,1m² và 2.391,7m^2).

[2] Ông Tô Đức T và bà Tô Thị S kháng cáo cho rằng: Nguồn gốc đất tranh chấp là của bố mẹ ông bà khai phá để lại, gia đình ông bà đã trồng cây từ năm 2004, đến năm 2005 gia đình ông Lâm Văn T tự ý kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông bà yêu cầu được quản lý, sử dụng phần đất ông bà đã trồng cây. Xét kháng cáo của ông Tô Đức T và bà Tô Thị S, thấy rằng:

[3] **Thứ nhất, xét về căn cứ pháp lý đối với quyền sử dụng đất**: Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15-5-2018 xác định được toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 25.780,8m² đều nằm trong thửa đất số 302, tờ bản đồ lâm nghiệp, tại khu đồi P, thuộc thôn N, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Thửa đất số 302, ngày 21-12-2005, Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lâm Văn T và bà Hoàng Thị Đ, với tổng diện tích cả thửa là 83.000m^2. Phần lớn diện tích đất tại thửa đất số 302, gia đình ông Lâm Văn T đã trồng cây thông và quản lý, sử dụng ổn định không xảy ra tranh

chấp với ai. Về nguồn gốc đất: Trong quá trình hòa giải ở thôn, xã và theo lời khai của những người làm chứng đều xác định đất do gia đình ông Lâm Văn T quản lý, sử dụng. Trước khi giao đất cho các hộ gia đình, giữa thôn N và thôn H đã tổ chức đi đến thực địa để phân giới quản lý theo thôn. Sau đó diện tích đất này đã được giao cho ông Lâm Văn T quản lý, đến năm 2005 ông Lâm Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy gia đình ông Lâm Văn T có căn cứ pháp lý xác định quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp.

[4] Còn ông Tô Đức T và bà Tô Thị S, ngay từ những lời trình bày đầu tiên cũng xác định gia đình ông bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có giấy tờ gì chứng minh diện tích đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình. Mặt khác trong lời khai về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất cũng thể hiện nhiều mâu thuẫn. Ông Tô Đức T cho rằng diện tích đất này do ông tự khai phá từ năm 1987 đến năm 1988 bắt đầu trồng hồi, còn bà Tô Thị S cho rằng do ông Tô Đức T khai phá từ năm 1979. Ngoài ra bà Tô Thị S còn khẳng định khi ông Lâm Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình bà cũng được biết, nhưng bà không khiếu nại. Đồng thời, số cây hồi do ông Tô Đức T khai trồng năm 1988 nay còn khoảng 300 cây thì toàn bộ diện tích đất trồng hồi này chỉ nằm giáp ranh và nằm ngoài thửa đất số 302, ông Lâm Văn T cũng thừa nhận là đất của ông Tô Đức T, ông Lâm Văn T không tranh chấp.

[5] **Thứ hai, về tài sản trên đất**: Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, trên đất tranh chấp có 1855 cây thông. Trong đó, trên khu đất thứ nhất có diện tích 23.389,1m² là phần diện tích đất mà ông Lâm Văn T khởi kiện ban đầu. Trên đất có 1750 cây thông (gồm 250 cây đường kính gốc từ 5-10cm và 1500 cây có đường kính dưới 5cm). Số cây thông này các bên đều thừa nhận do gia đình ông Tô Đức T trồng năm 2017. Tuy nhiên, như trên đã phân tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Lâm Văn T; khi ông Tô Đức T trồng thông không được ông Lâm Văn T cho phép, ngay khi phát hiện ông Lâm Văn T đã yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp nhưng không có kết quả. Việc ông Tô Đức T trồng cây trên đất của ông Lâm Văn T là không hợp pháp. Vì vậy, yêu cầu của ông Lâm Văn T buộc ông Tô Đức T di dời cây ra khỏi đất là có căn cứ. Tuy nhiên do số lượng cây phải di dời lớn, rất phức tạp và tốn nhiều chi phí. Mặt khác ông Lâm Văn T cũng đồng ý thanh toán tiền cây cho ông Tô Văn Thăng trong trường hợp ông được công nhận quyền sử dụng đất. Do vậy thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông Lâm Văn T sở hữu cây thông và thanh toán giá trị cây thông cho ông Tô Đức T theo kết quả định giá của Hội đồng định giá là có căn cứ.

[6] Trên khu đất thứ hai có diện tích là 2391,7m² có 105 cây thông (gồm 65 cây đường kính gốc 20-30cm và 40 cây có đường kính gốc trên 30cm). Cả ông Lâm Văn T và ông Tô Đức T đều khai số cây thông trên gia đình mình trồng năm 2004. Những người có đất liền kề như ông Chu Văn L, ông Hoàng Trường S, ông Tô Văn C, đều khẳng định số cây này do ông Lâm Văn T trồng

(bút lục số 36,37; 68-71). Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Chu Văn L tiếp tục khẳng định số cây này do ông Lâm Văn T trồng (bút lục 192). Do vậy có căn cứ xác định cây thông trên phần diện tích 2391,7m² là của ông Lâm Văn T.

[7] Về yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn, thấy rằng: Nguồn gốc đất do gia đình ông Lâm Văn T quản lý, sử dụng. Năm 2005, khi tiến hành các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm Văn T, hồ sơ đã được niêm yết công khai; trong thời gian kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có ai tranh chấp. Tại cấp sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm ông Tô Đức T, bà Tô Thị S trình bày cũng biết về việc gia đình ông Lâm Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không khiếu nại (bút lục số 189). Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm Văn T như vậy là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và đúng đối tượng theo quy định. Do vậy việc ông Tô Đức T yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp cho ông Lâm Văn T ngày 21-12-2005 đối với diện tích đất tranh chấp là không có căn cứ.

[8] Bởi phân tích trên, thấy rằng Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn T, xử cho hộ ông Lâm Văn T, bà Hoàng Thị Đ quyền sử dụng đất; tài sản trên đất và không chấp nhận yêu cầu của bị đơn hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Tô Đức T và bà Tô Thị S, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên như phân tích mục [1], diện tích đất tranh chấp phải giải quyết là 25.780,8m^2. Quyết định tại mục 4 giải quyết cho ông Lâm Văn T và bà Hoàng Thị Đ toàn bộ diện tích đất tranh chấp, nhưng Quyết định tại mục 1 lại ghi diện tích là 23.389,1m², như vậy là không thống nhất, cần chỉnh sửa lại về câu chữ. Nhận định này cũng phù hợp với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa.

[9] Về chi phí tố tụng: Chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 15-5-2018 là 4.675.000 đồng. Ông Lâm Văn T được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nên ông Tô Đức T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Số tiền này ông Lâm Văn T đã tạm ứng để chi. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Tô Đức T phải hoàn trả cho ông Lâm Văn T số tiền ông Lâm Văn T đã nộp tạm ứng chi là đúng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Theo quy định, do yêu cầu không được chấp nhận nên ông Tô Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông Tô Đức T và bà Tô Thị S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B thì hộ gia đình ông Tô Đức T thuộc hộ nghèo (bút lục số 212). Vì vậy ông Tô Đức T, bà Tô Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 233, Điều 255, Điều 256 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 105 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án;

I. Về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất:

1. Ông Lâm Văn T và bà Hoàng Thị Đ được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 25.780,8m². Diện tích đất trên thuộc một phần thửa 302, tờ bản đồ đất lâm nghiệp, tại khu đồi P, thuộc thôn N, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, hộ ông Lâm Văn T và bà Hoàng Thị Đ đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy mang số sêri AE190843; số vào sổ là: 00540, ngày 21-12-2005).

Khu đất có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông: Giáp dông đồi; phía Tây: Giáp đỉnh; phía Nam: Giáp đất ông Hoàng Trường S; phía Bắc: Giáp đất ông Chu Xuân L.

Có sơ họa khu đất tranh chấp kèm theo bản án (đất tranh chấp thể hiện từ điểm 7-8-9-10-11-1-2-12 đến điểm 7).

2. Ông Lâm Văn T, bà Hoàng Thị Đ được sở hữu toàn bộ số cây thông trên diện tích đất Quyết định tại mục 1 gồm: 40 cây có đường kính gốc trên 30cm; 65 cây thông đường kính gốc từ 20-30cm; 250 cây đường kính gốc từ 5-10cm và 1.500 cây đường kính gốc dưới 5cm;

3. Ông Lâm Văn T, bà Hoàng Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Tô Đức T, bà Tô Thị S trị giá 1750 cây thông mà gia đình ông Tô Đức T trồng với tổng số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Kể từ khi ông Tô Đức T, bà Tô Thị S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lâm Văn T, bà Hoàng Thị Đ chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Buộc ông Tô Đức T và bà Tô Thị S phải trả ông Lâm Văn T và bà Hoàng Thị Đ diện tích đất 25.780,8m² và tài sản trên đất (cây thông) theo Quyết định tại mục 1, mục 2 nêu trên.

II. Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Không chấp nhận yêu cầu của ông Tô Đức T về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất (giấy mang số sêri AE190843; số vào sổ là: 00540, ngày 21-12-2005, thửa số 302), mà Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp cho hộ ông Lâm Văn T, bà Hoàng Thị Đ đối với diện tích là 25.780,8m².

III. Về chi phí tố tụng: Ông Tô Đức T phải hoàn trả cho ông Lâm Văn T tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.675.000 đồng (bốn triệu sáu trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

Kể từ khi ông Lâm Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Tô Đức T chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

IV. Về án phí:

1. Ông Lâm Văn T không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lâm Văn T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số:AA/2011/01580 ngày 17-10-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

2. Ông Tô Đức T được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm; bà Tô Thị S được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- HCTP; KTNV và THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trung Vân